

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Phương.
- Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Bảo N, sinh năm 2003; địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Bảo N trình bày: Chị và anh Trần Minh T quen biết nhau 01 thời gian thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với gia đình chồng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng. Thời gian sống ly thân, tình cảm giữa vợ chồng chị phai nhạt dần và hiện nay chỉ còn liên lạc với nhau vì con. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không tìm thấy tiếng

nói chung. Nay xét thấy không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Minh T có 01 con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2020. Thời gian đầu khi ly thân cháu Đ sinh sống với chị nhưng sau đó anh T đến đón cháu Đ về và thường hay cản trở chị cũng như gia đình chị đến gặp con. Hiện nay cháu Đ đang sống với anh T. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Đ. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản và nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí công nhận thuận tình ly hôn.

Theo biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 17 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Minh T trình bày: Anh thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, tình trạng hôn nhân và con chung như chị Trần Bảo N trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh bất đồng trong quan điểm sống. Chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Sau khi chị N bỏ đi, anh đưa con chung là cháu Trần Minh Đ về chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, anh nhiều lần liên lạc với chị N để chị về thăm con nhưng chị N không về, không quan tâm đến con cũng như không cấp dưỡng nuôi con. Nay anh không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng mà yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho anh. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung và nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận chị Trần Bảo N và anh Trần Minh T thuận tình ly hôn. Về con chung, đề nghị giao con chung là cháu Trần Minh Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Bảo N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Trần Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Minh T đang cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Bảo N và anh Trần Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị N, anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật cũng như không trái đạo đức xã hội. Do đó, áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận chị Trần Bảo N và anh Trần Minh T thuận tình ly hôn.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Bảo N và anh Trần Minh T có 01 con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2020. Chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi chị N và anh T sống ly thân, cháu Đ do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu Đ được phát triển bình thường. Cháu Đ gắn bó thân thiết với anh T. Trong khi đó chị N là mẹ nhưng thời gian dài không có sự quan tâm, chăm sóc cháu Đ mà chỉ lấy lý do công việc để không thực hiện nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Minh Đ cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Bảo N và anh Trần Minh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, lẽ ra chị N, anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng tại phiên tòa chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chị N phải chịu 150.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng trước 300.000 đồng nên chị N được hoàn lại 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Bảo N và anh Trần Minh T.

2. Giao con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2020 cho anh Trần Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Đ đang sống với anh T.

Chị Trần Bảo N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Trần Bảo N tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003030 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước. Chị N được hoàn lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Hưng (Số 21/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên